**LÍ LỊCH KHOA HỌC**

***(Dùng cho cán bộ tham gia đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội)***

I. LÍ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: HOÀNG BÁ THỊNH Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 14/02/1956 Nơi sinh: Bắc Giang

Quê quán: Vân Trung, Việt Yên, Bắc Giang Dân tộc: Kinh

Học vị cao nhất: TS Năm, nước nhận học vị: 2001, Việt Nam

Chức danh khoa học cao nhất: GS Năm bổ nhiệm: 2016

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Trưởng Bộ môn Xã hội học Gia đình và Giới

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Khoa Xã hội học, Trường Đại học KHXH&NV

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc: Khoa Xã hội học

Điện thoại liên hệ: CQ: NR: DĐ: 0904149476

Fax: Email: [thinhhb@vnu.edu.vn](mailto:thinhhb@vnu.edu.vn); thinhhoangba@yahoo.co.uk

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Đại học:**

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội

Ngành học: Triết học

Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 1948

Bằng đại học 2: Xã hội học Năm tốt nghiệp: 1991

1. **Sau đại học**

* Thạc sĩ chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 1997

Nơi đào tạo:

* Tiến sĩ chuyên ngành: Xã hội học Năm cấp bằng: 2001

Nơi đào tạo: Trường Đại học KHXH&NV

* Tên luận án: Vai trò của phụ nữ nông thôn trong công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Ngoại ngữ:** | 1. Anh văn  2. | Mức độ sử dụng: Tốt  Mức độ sử dụng: |

**III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Đơn vị công tác** | **Công việc đảm nhiệm** |
| 1974-1979 | E568; F325; F11, F344 | Bộ đội |
| 1979-1984 | Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội | Sinh viên |
| Từ 1984 đến 1993 | Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. | Cán bộ giảng dạy |
| Từ 1993-1994 | Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. | Phó Trưởng phòng Hành chính- Tuyên huấn.  Trưởng Ban biên tập Bản tin Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội |
| 1994-1995 | Pennsylvania State University, USA | Nghiên cứu Gia đình/Chương trình trao đổi Học giả |
| 1995 đến nay | Trường Đại học KHXH&N, ĐHQG Hà Nội | Giảng viên  Trưởng Bộ môn (từ 2000 đến nay)  Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giới, Dân số, Môi trường và các vấn đề xã hội (2010-2022) |

**IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề tài nghiên cứu** | **Năm bắt đầu/Năm hoàn thành** | **Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)** | **Trách nhiệm tham gia trong đề tài** |
| 1 | *Xây dựng Bộ Địa chí Quốc gia Việt Nam.* Mã số. QC.2022.05 | 2022-2025 | Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ đặc biệt cấp Quốc gia | Chủ nhiệm *Tập Xã hội*; |
| 2 | *Đô thị hóa và quản lý quá trình đô thị hóa trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*;, Mã số TN3/X15 | 2015-2016 | Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Nhà nước | Chủ nhiệm đề tài |
| 3 | *Tác động của đô thị hoá đến sự phát triển vùng nông thôn giai đoạn 2011 -2020*; Mã số ĐTĐL.2010T/38 - | 2010-2012 | Đề tài Khoa học và Công nghệ độc lập cấp Nhà nước | Chủ nhiệm đề tài |
| 4 | *Báo cáo thường niên xã hội: Sự hài lòng về cuộc sống*; Mã số QGĐA.11.04 | 2011-2012 | Đề án trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội, | Chủ nhiệm đề tài |
| 5 | *Biến đổi gia đình Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới*: *Chính sách và Thực tiễn* (Nghiên cứu khu vực đồng bằng sông Hồng) | 2018-2020 | Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số: QG.18.45 | Chủ nhiệm đề tài |
| 6 | *Biến đổi cơ cấu, chất lượng dân số trong quá trình đô thị hoá Hà Nội*: Thực trạng và giải pháp; Mã số: 01X-10/06-2012-2 | 2012-2013 | Sở KH&CN Tp. Hà Nội | Chủ nhiệm đề tài |
| 7 | *Thực trạng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc*; | 2009-2010 | Trung tâm Hỗ trợ NC châu Á và Quỹ giáo dục cao học Hàn Quốc; | Chủ nhiệm đề tài |
| 8 | *Một số khuynh hướng nghiên cứu Giới trong Xã hội học phương Tây* (giai đoạn nửa sau thế kỷ 20), Mã số: QX.06.30 | 2007-2008 | Đại học quốc gia Hà Nội, | Chủ nhiệm đề tài |
| 9 | *Một số vấn đề nghiên cứu Giới trong Xã hội học*, Mã số: CB.01.18 | 2002 -2003 | Đại học quốc gia Hà Nội | Chủ nhiệm đề tài |
| 10 | *Một vài yếu tố ảnh hưởng đến việc bồi dưỡng cán bộ giảng dạy trẻ ở một số trường đại học thuộc khu vực Hà Nội*, Mã số: B.93.05.107; | 1994 -1995 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Chủ nhiệm đề tài, |
| 11 | *Quản lý phát triển xã hội ở nước ta: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách* | 2018-2020 | Đề tài KHCN cấp Nhà nước, Mã số KX04.15/16-20; Hội đồng Lý luận Trung ương | Thành viên chính |
| 12 | *Nâng cao năng lực phân tích giới trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam*; - | 2009-2010 | Tổ chức Nông lương Thế giới của Liên hợp quốc (FAO), | Chuyên gia tư vấn quốc gia về phân tích Giới |
| 13 | *Nghiên cứu Bạo lực gia đình ở Việt Nam* (tại 6 tỉnh, thành phố) | 2006 | Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội | Trưởng nhóm nghiên cứu |
| 14 | *Đổì mới chính sách xã hội nhằm khắc phục tệ nạn xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường*, Mã số: KX.04.14 | 1992-1994 | Đề tài KH&CN cấp Nhà nước, Bộ Công an | Thành viên |
| 15 | *Biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội nước ta trong giai đoạn hiện nay,* Mã số B.64-1995 | 1995-1996 | Bộ giáo dục và đào tạo | Thành viên |
| 16 | *Đổi mới quy hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học Mác-Lê nin. Kiến nghị và giải pháp*. Mã số: KX.10.09 | 1997-2000 | Đề tài KH&CN cấp Nhà nước; Ban Khoa giáo Trung ương,; | Thành viên tham gia |
| 17 | *Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc cải cách chính sách tiền lương của công chức hành chính Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới*; | 2012-2013 | Đề tài Khoa học và Công nghệ độc lập cấp nhà nước | Chủ nhiệm đề tài nhánh |
| 18 | *An sinh xã hội, an ninh con người trong điều kiện mới ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng vấn đề đặt ra và giải pháp*; Mã số KX04.26/16-20 | 2019-2020 | Đề tài KHCN cấp Nhà nước, | Thành viên tham gia chính |
| 19 | *Những giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay*;. Mã số của đề tài: KHXH-GĐ/16-19/10; | 2017- 2018 | Ch­ương trình “Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế” | Thành viên tham gia chính. |

1. Các công trình khoa học đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố...)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên công trình** | **Năm công bố** | **Tên tạp chí** | **Tác giả chính/đồng tác giả** | **Tạp chí danh mục ISI/Scopus/khác** |
| 1 | *Biến đổi gia đình Việt Nam trong quá trình phát triển*; | 2021 | Nxb Chính trị Quốc gia –Sự Thật, Hà Nội | Tác giả | ISBN: 978-604-57-6933-1; 832 trang |
| 2 | *Sự hài lòng về cuộc sống của người Việt Nam* | 2019 | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; | Chủ biên | ISBN: 978-604-9878-11-4; 321 trang |
| 3 | *Quản lý phát triển xã hội Việt Nam- Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách* | 2019 | Nxb Chính trị Quốc gia – Sự Thật | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-57-4991-3 |
| 4 | *Giáo trình Xã hội học về Giới*,; | 2008, tái bản 2014; | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội | Tác giả | ISBN: 978-604-934-935-5; 365 trang |
| 5 | *Xã hội học Sức khỏe*; | 2010, tái bản 2017 | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội | Tác giả | ISBN: 978-604-62-9696-6; 407 trang |
| 6 | *Giáo trình Gia đình học* | 2016; tái bản 2017 | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội | Chủ biên | ISBN: 978-604-62-5036-4; 299 trang |
| 6 | *Đô thị hóa và phát triển vùng Tây Nguyên* (sách chuyên khảo) | 2016 | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội | Tác giả | ISBN: 978-604-62-5238-2; 374 trang |
| 7 | *Phân tầng xã hội hợp thức và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay* | 2015 | Nxb Chính trị quốc gia | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-57-1844-5; 339 trang |
| 8 | *Giáo trình Giới trong An sinh xã hội* | 2016 | Nxb Giáo dục Việt Nam | Đồng tác giả | ISBN: 978-604-0-09735-4; 280 trang |
| 9 | *Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam* | 2012 | Nxb Chính trị quốc gia | Đồng tác giả |  |
| 10 | *Hạn chế lạm dụng thuốc trừ sâu vì sức khỏe phụ nữ và một nền nông nghiệp sạch* | 2009 | Nxb Chính trị quốc gia | Chủ biên | 329 trang |
| 11 | *Nâng cao nhận thức về quyền sức khỏe sinh sản- quyền sức khỏe tình dục và chất lượng cuộc sống* | 2009 | Nxb Lao động - Xã hội (tiếng Việt và tiếng Anh), | Đồng tác giả |  |
| 12 | *Cư dân vạn đò - Tiềm năng và Thách thức* (sách tham khảo) | 2006 | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội (tiếng Việt và tiếng Anh) | Tác giả | 312 trang |
| 13 | *Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trên thềm thế kỷ XXI* | 2003, tái bản 2005 | NXB Thế Giới (tiếng Việt và tiếng Anh) | Đồng tác giả |  |
| 14 | *Bạo lực gia đình ở Việt Nam và vai trò truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ* | 2005 | Nxb Thế giới (tiếng Việt và tiếng Anh), | Chủ biên |  |
| 14 | *Impact of Public Policy on the Well -being of Women: the Past, Present and Future of Vietnamese Women* | 2005 | ChiangMai University Press | Le Thi Nham Tuyet - Hoang Ba Thinh |  |
| 15 | *Vai trò của phụ nữ nông thôn trong công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn* | 2002 | Nxb Chính trị quốc gia | Tác giả |  |
| 16 | *Phụ nữ, Sức khỏe và môi trường* | 2001 | Nxb Chính trị quốc gia | Đồng tác giả |  |
| 17 | *Một số nghiên cứu về sức khỏe sinh sản Việt Nam sau Cairo* | 1999 | Nxb Chính trị quốc gia (tiếng Việt và tiếng Anh) | Chủ biên |  |
| 18 | *Tìm giải pháp ngăn chặn tệ nạn mua bán dâm trẻ em*;, | 1998 | Nxb Chính trị quốc gia (tiếng Việt và tiếng Anh) | Tác giả |  |
| 19 | *Xã hội học* | 1997, tái bản lần thứ 5(2010) | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội | Đồng tác giả |  |
| 20 | *Vốn xã hội và phát triển* (viết chung) | 2016 | Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội | Đồng tác giả |  |
| 21 | *Elderly Care Policy in Vietnam during Transforming Society* | 2020 | Symposium of The 2020 International Conference on Transforming Society Social Development in East and Southeast Asia; Dwong Hwa National University, Taiwan. Pp.65-93 | tác giả chính), |  |
| 22 | *Elderly’s Thought About Nursing Homes: A Case Study of Vietnamese Elderly* | 2019 | Advance Sciences Letter. Volum 25, No.1 January 2019; pp 189–193 | Đồng tác giả | Scopus |
| 23 | Grassroots Democracy and the Participation of Urban People in Central Highlands, Vietnam;; ISSN 2349-0373 (Print) & | 2019 | International Journal of Humanities Social Sciences and Education (IJHSSE) Volume 6, Issue 6, June 2019, PP 84-92 | Tác giả | ISSN 2349-0381 (Online) http://dx.doi.org/10.20431/2349-0381.0606010 |
| 24 | *Access the Social Resoures of Disadvanted people (Case study: Poor people and emigrants*) | 2018 | Sylwan, Vol 162 (2), 2018; pp.290-307; | Đồng tác giả | ISI |
| 25 | *Migration and Education in Vietnam: Opportunities and Challenges*; | 2017 | [Advanced Science Letters](http://www.ingentaconnect.com/content/asp/asl); Volume 23, Number 3, March 2017, pp. 2166-2168; | Tác giả | Scopus |
| 26 | *Social Stratification in Vietnam* (survey through several provinces and cities. | 2015 | International Journal of Humanities, Social Sciences and Education; ISSN: 2349-0373; Vol. 2, No.9; 2015 | Đồng tác giả | ISSN: 2349-0373 |
| 27 | [*Vietnamese Women Marrying Korean Men and Societal Impacts*. (Case studies in Dai Hop commune, Kien Thuy district – Hai Phong city)](http://www.mcser.org/journal/index.php/ajis/article/view/808) | 2013 | Academic Journal of Interdisciplinary Studies; Special Issue - October; ISSN 2281-3993 -print; ISSN 2281-4612 -online | Tác giả | ISSN 2281-3993 |
| 28 | *Introduction of Gender and Development Curriculum in Vietnam Universities*; | 2013 | The 1st Korea - ASEAN International Conference on Gender and Development; Korea June 27-28; 2013 | Tác giả |  |
| 29 | *Vietnamese Women Marrying Korean Men and Societal Impacts* | 2013 | Multicultural Studies, No2. June, 2013 |  |  |
| 30 | *Vietnamese Women who marry Korean Men: Insiders’ Perspectives* | 2010 | “Vision of Social Development in the Globalized Asia: Commonality and Diversity” 2010 International Consortium for Social Development – Asia – Pacific Branch Conference; Seoul National University, Korea; November 10-12, 2010 | Tác giả |  |
| 31 | *Aging population and Social Policies with Elderly people in Vietnam*; | 2009 | 2009 BESETOHA University Presidents’ Forum “Aiming for Sustainable Aging Societies in Asia”, Seoul National University, December 4-6 | Tác giả |  |
| 32 | *Rural employment and life: Challenges to gender role in Vietnam's Agriculture at present* | 2009 | FAO-ILO-IFAD Techincal Expert Workshop “Gaps, Trends and current research in Gender dimensions of Agricultural and Rural Employment: Differentiated pathways out of poverty”, Rome, Italy, March 31 and April 2-2009 | Tác giả |  |
| 33 | *Household Cultural Life of the Floating People in Vietnam* | 2002 | Workshop on Values of Women Divers and their Cultural Heritage, Korea, 2002 | Tác giả |  |
| 34 | *Reproductive Health in coastal population in Vietnam*; | 2002 | Interregional Seminar on Reproductive Health, Unmet Needs and Poverty: Issues of Access and Quality of Service”; Chulalongkorn- Thailand, 2002 | Tác giả |  |
| 35 | *Vietnamese Women and Development* (Hoang Ba Thinh - Le Thi Nham Tuyet) | 2001 | Workshop on: Capacity building of Women Communicators to Promote Environmental Awareness and Conservation (Sida-AMIC, Bangkok), | Đồng tác giả |  |
| 36 | *Country Study in Vietnam* Taking up the Cairo Challenge (Country Studies in Asia-Pacific) | 2001 | Asian Pacific Resource and Research Centre for Women. | Đồng tác giả |  |
| 37 | *Dự báo xã hội trong đại dịch CoVid-19*; | 2022 | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 3/2022; tr.3-13 | Tác giả |  |
| 38 | *Xây dựng gia đình Việt Nam: Những thành tựu nổi bật, vấn đề đặt ra và giải pháp chính sách* |  | Tạp chí Cộng sản, số 984 (2-2022), tr.69-74 | Tác giả |  |
| 39 | *Đô thị hóa, già hóa dân số và vấn đề xã hội* | 2021 | Tạp chí Xã hội học, số 3/2021; tr.44-56 | Tác giả |  |
| 40 | *Gia đình độc thân*: *Đặc điểm, Xu hướng và hàm ý chính sách* | 2021 | Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ VI: Việt Nam chủ động hội nhập và phát triển bền vững; Hà nội 28-29/10/2021 | Tác giả |  |
| 41 | *Quan điểm giới trong công tác xã hội* | 2021 | Tạp chí Khoa học Xã hội, tập 7 số 2b; 11 /2021; tr.191-204 | Đồng tác giả |  |
| 42 | *Sinh kế, việc làm trong đại dịch CoVid-19* | 2021 | Tạp chí Nghiên cứu con người, số 5 (116) 2021; tr.34-44 | Đồng tác giả |  |
| 43 | *Bất bình đẳng giới trong giáo dục thời kỳ Pháp – Việt: Khác biệt giữa Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ*; | 2021 | Hội thảo quốc tế “Giáo dục Pháp – Việt cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX”, Nxb Đại học Huế 2021; tr.435-450 | Đồng tác giả |  |
| 44 | *Hai nữ trí thức với bình đẳng giới ở Việt Nam*; |  | Hội thảo quốc tế “Giáo dục Pháp – Việt cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX”, Nxb Đại học Huế 2021; tr.465-481 | Đồng tác giả |  |
| 45 | *Quản lý xã hội ở các khu công nghiệp Việt Nam hiện nay*: *Vấn đề và giải pháp*; | 2020 | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 9-2020; tr.32-40. | Đồng tác giả |  |
| 46 | *Tác động của khoa học công nghệ đến chức năng gia đình hiện nay* | 2019 | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam,số 3-2019; tr.82-89 | Đồng tác giả |  |
| 47 | *Tội phạm ở Việt Nam trong quá trình đô thị hóa;* | 2018 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Đô thị hóa và phát triển: Cơ hội và Thách thức đối với Việt Nam trong thế kỷ XXI”; Nxb Thế Giới 2018, Hà Nội, tr.106-118 | Tác giả |  |
| 48 | *Sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền ở Việt Nam* | 2018 | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 2-2018; tr.19-28 | Tác giả |  |
| 49 | *Chiều cạnh giới trong Luật Dân số (dự thảo);* | 2018 | Tạp chí Khoa học, số 1/2018; tr.2-10 | Tác giả |  |
| 50 | *Đời sống văn hóa Tây Nguyên trong quá trình biến đổi;* | 2018 | sách “Những nghiên cứu xã hội học về Tây Nguyên”; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018; tr. 148- 155 | Đồng tác giả |  |
| 51 | *Quản lý đô thị trong quá trình đô thị hóa và mức độ hài lòng của người dân Tây Nguyên* | 2018 | sách “Những nghiên cứu xã hội học về Tây Nguyên”; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018; tr. 37-47 | Đồng tác giả |  |
| 52 | *Phát triển đô thị vùng Tây Nguyên: Cơ hội và Xu hướng;* | 2018 | sách “Những nghiên cứu xã hội học về Tây Nguyên”; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018; tr. 27-36 | Tác giả |  |
| 53 | *An sinh xã hội với lao động thất nghiệp và vai trò của Công tác xã hội* | 2017 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế "CTXH và ASXH trong bối cảnh cộng đồng ASEAN: Hội nhập và phát triển bền vững"; Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Thủ Dầu Một, National Chi Nan University; Bình Dương, 11/11/2017; tr.304-316 | Tác giả |  |
| 54 | *Một số vấn đề xã hội và sức khỏe của người dân Tây Nguyên trong quá trình đô thị hóa*. | 2017 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Chăm sóc sức khỏe những vấn đề xã hội học và công tác xã hội", Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 2017; tr.116-127 | Đồng tác giả |  |
| 55 | *Vấn đề an sinh xã hội và phụ nữ, trẻ em trong Luật hình triều Lê*; | 2017 | Hội thảo khoa học quốc tế "Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em: Kinh nghiệm của một số quốc gia"; Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017. Tr.38-44 | Tác giả |  |
| 56 | *Vai trò, vị thế của nữ trí thức trong lĩnh vực KHXH&NV: Thực trạng và luận cứ chính sách phát triển*; | 2017 | sách: Nữ trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nxb Lý Luận chính trị, 2017; tr.103-130 | Tác giả |  |
| 57 | *Đô thị hóa Việt Nam từ khi thống nhất đất nước*: *Thực trạng, đặc điểm và dự báo*; | 2017 | sách: Việt Nam 40 năm hòa bình, thống nhất phát triển và hội nhập (1975-2015); Nxb Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh 2017; tr.234-258 | Tác giả |  |
| 58 | *Phá thai ở Việt Nam qua các nguồn số liệu* | 2017 | Tạp chí Dân số và phát triển, số 9(197) 2017; tr.6-10 | Đồng tác giả |  |
| 59 | *Phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài và luật pháp, chính sách của Việt Nam* | 2016 | Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn, tập 2, số 1b, 2016; | Tác giả |  |
| 60 | *Xây dựng nông thôn mới ở Hàn Quốc và Việt Nam* | 2016 | Tạp chí KHXH Việt Nam, số 7 (104) 2016; tr.3-11 | Tác giả |  |
| 61 | *Di dân và biến đổi dân số ở Tây Nguyên trong quá trình đô thị hóa*; | 2016 | sách "Toàn cầu hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam đương đại", Nxb Tri thức 2016; tr.61-80 | Tác giả |  |
| 62 | *Chất lượng nguồn nhân lực công chức, viên chức*; | 2016 | Trong sách "Đào tạo cán bộ Công đoàn trọng hội nhập quốc tế", Nxb Lao Động, 2016; tr.101-105 | Tác giả |  |
| 63 | *Chiều cạnh giới trong công tác xã hội ở Việt Nam*; | 2016 | sách "Nâng cao chất lượng đào tạo công tác xã hội với chuyên nghiệp hóa dịch vụ công tác xã hội"; Nxb Tổng hợp Tp.HCM, 2016;tr.53-60 | Đồng tác giả |  |
| 64 | *Tiếp cận các nguồn lực xã hội của người nghèo và di cư* | 2016 | sách "Các chiều cạnh giới của sự tách biệt xã hội hướng tới chính sách toàn diện hơn đối với phụ nữ"; Nxb Khoa học xã hội, 2016; tr.282-306 | Tác giả |  |
| 65 | *Di cư và Giáo dục: Cơ hội và Thách thức*; | 2016 | Trong sách" Chuyển biến kinh tế - xã hội và Giáo dục" Nxb Thế giới, 2016; tr.230-239 | Tác giả |  |
| 66 | *Lao động nữ di cư làm việc ở khu vực phi chính thức và mức độ tiếp cận an sinh xã hội* | 2015 | sách "An sinh xã hội và Công tác xã hội", Nxb Hồng Đức, 2015; tr.92-111 | Tác giả |  |
| 67 | *An sinh xã hội cho người dân nông thôn: Tiếp cận từ Bảo hiểm xã hội*; | 2015 | sách "An sinh xã hội và Công tác xã hội", Nxb Hồng Đức, 2015; tr.67-80 | Tác giả |  |
| 68 | *Giảng dạy về giới và phát triển trong các trường đại học ở Việt Nam;* | 2015 | Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn, Tập 1 số 2, 2015, tr.135-143 | Tác giả |  |
| 69 | *Mức độ chuyên nghiệp của hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ khuyết tật từ góc nhìn Công tác xã hội* (viết chung); | 2015 | sách "Công tác xã hội Việt Nam thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển", Nxb Lao Động, 2015; tr.393-401 | Đồng tác giả |  |
| 70 | *Lý thuyết vai trò trong CTXH với cá nhân và gia đình*; (viết chung); | 2015 | sách "Công tác xã hội Việt Nam thách thức tính chuyên nghiệp trước nhu cầu hội nhập và phát triển", Nxb Lao Động, 2015; tr.141-149 | Đồng tác giả |  |
| 71 | *Nữ trí thức Hà Nội: Nhìn từ cấu trúc xã hội*; | 2015 | sách: Nữ trí thức với sự nghiệp phát triển đất nước; Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015; tr.359-368 | Tác giả |  |
| 72 | *Đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay*; | 2015 | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5 (90) 2015; tr.55-61 | Tác giả |  |
| 73 | *Đô thị hóa và phát triển đô thị Tây Nguyên từ sau Đổi mới* | 2015 | Tạp chí Dân số và phát triển, số 1/2015 | Tác giả |  |
| 74 | *Giá trị văn hóa gia đình - tế bào lành mạnh của sự phát triển*; | 2014 | sách “Văn hóa sức mạnh nội sinh của sự phát triển”, NXB Chính trị Quốc gia 2014; tr.376-400 | Tác giả |  |
| 75 | *Phát triển hệ thống đô thị vùng Tây Nguyên ở Việt Nam*; | 2014 | Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 5(78) /2014; tr.49-58 | Tác giả |  |
| 76 | *Đô thị hóa vùng Tây Nguyên: Thực trạng và Xu hướng*; | 2014 | Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam; số 4(671) /2014 | Tác giả |  |
| 77 | *Quy mô dân số và phát triển đô thị vùng Tây Nguyên* | 2014 | Tạp chí Dân số và Phát triển, số 2/2014; tr. 1-5 | Tác giả |  |
| 78 | *Income Inequality: Ideas on Educational and Investment in Human Capital*; | 2013 | Social Sciences Information Review; Vol. 7, No.2, June 2013; tr.12-19 | Tác giả |  |
| 79 | *Vấn đề giới trong nghiên cứu di dân ở Việt Nam (Một phân tich tổng quan)* | 2013 | sách “Giới và di dân tầm nhìn châu Á”, Nxb ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh; tr.11-36 | Tác giả |  |
| 80 | *An sinh xã hội cho người dân nông thôn*: *Tiếp cận từ bảo hiểm xã hội*; | 2013 | Tạp chí Phát triển bền vững vùng; số 3/2013; tr.6-15 | Tác giả |  |
| 81 | *Kết hôn sớm: Một vấn đề xã hội ở Việt Nam*; | 2014 | trong sách"Gia đình Việt Nam trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập từ cách tiếp cận so sánh", Nxb Khoa học xã hội, 2014; tr.299-316 | Tác giả |  |
| 82 | *Sự hài lòng về hôn nhân, về mối quan hệ cha mẹ - con cái và các yếu tố tác động* | 2013 | Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới, quyển 23, số 5/2013; tr.16-26 | Đồng tác giả |  |
| 83 | *Một số nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội còn thấp*; | 2013 | sách: Lựa chọn cánh tả - So sánh kinh nghiệm của bốn quốc gia: Việt Nam, Algieria, Mozambique và CuBa; Nxb Thế giới 2013 | Tác giả |  |
| 84 | *Một số vấn đề giới và tình dục trên báo chí Việt Nam đầu thế kỷ XXI*; | 2013 | sách: Văn hóa Truyền thông trong thời kỳ Hội nhập*;* Nxb Thông tin và Truyền thông 2013 | Tác giả |  |
| 85 | *Tư liệu cá nhân của nhà khoa học: Một nguồn tư liệu lưu trữ quan trọng* | 2013 | Tạp chí Văn thư lưu trữ Việt Nam, số 3/2013; tr.18-22 | Tác giả |  |
| 86 | *Bất bình đẳng giới về thu nhập: Tiếp cận từ đầu tư giáo dục vào vốn con người* | 2013 | Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội, số 5/2013 | Tác giả |  |
| 87 | *Cơ cấu dân số Hà Nội về nghề nghiệp trong trong quá trình đô thị hoá*; | 2013 | Tạp chí Dân số và Phát triển, số 1/2013; tr.22-27 | Tác giả |  |
| 88 | *Sự hài lòng về cuộc sống: Một cách tiếp cận nghiên cứu phi kinh tế về phát triển* | 2013 | Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 2 (63) 2013; tr.81-89 | Tác giả |  |
| 89 | *Biến đổi cơ cấu việc làm và thu nhập của người dân nông thôn trong quá trình đô thị hoá*; | 2013 | Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư “Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững”; Nxb KHXH, 2013; tr.715-733 | Tác giả |  |
| 90 | *Gender and Livehood Outcome in Rural Areas* | 2012 | Vietnam Social Sciences, No.6 (152) 2012; tr.38-49 | Tác giả |  |
| 91 | *Marriage between Vienamese Women and South Korea Men*: An Insiders’ Perspective (Case Study: Dai Hop Commune, Kien Thuy District, Hai Phong city) | 2012 | Vietnam Social Sciences, No.1 (47) 2012; tr.46-58 | Tác giả |  |
| 92 | *GS. Lê Thị Nhâm Tuyết - Người mở đường và đặt nền móng cho nhiều ngành khoa học* | 2012 | Tạp chí Dân tộc học, số 4 (178) 2012 | Tác giả |  |
| 93 | *Sự hài lòng về cuộc sống của người Việt Nam: Một số phát hiện ban đầu và hàm ý chính sách*; | 2012 | Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 4 (61) 2012 | Tác giả |  |
| 94 | *Bất bình đẳng giới trong phát triển ở Việt Nam hiện nay* | 2012 | Hội thảo quốc tế: Bất bình đẳng trong phát triển ở Đông Á và Việt Nam, Hà Nội 11/2012 | Đồng tác giả |  |
| 95 | B*ất bình đẳng trong phát triển ở Việt Nam: Sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền* | 2012 | Hội thảo quốc tế: Bất bình đẳng trong phát triển ở Đông Á và Việt Nam, Hà Nội 11/2012 | Tác giả |  |
| 96 | *Phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài và chính sách của Chính phủ Việt Nam*; | 2012 | Diễn đàn Chính sách đa văn hoá trong xã hội Hàn Quốc, Quỹ Phụ nữ Hàn Quốc, Seoul, 11/2012 | Tác giả |  |
| 97 | *Biến đổi quy mô và loại hình gia đình Việt Nam đầu thế kỷ 21*; | 2012 | sách: Thực tại và Tương lai của gia đình trong thế giới hội nhập Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội 2012; tr.616-624 | Tác giả |  |
| 98 | *Đô thị hóa dưới góc nhìn lý luận Macxit*; | 2012 | Tạp chí Sinh hoạt lý luận; số 1/2012; tr.47-53 | Tác giả |  |
| 99 | *Phụ nữ di cư làm việc ở khu vực kinh tế phi chính thức và mức độ tiếp cận An sinh xã hội*; | 2012 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “An sinh xã hội cho khu vực phi chính thức: Vấn đề và triển vọng” - Viện Khoa học xã hội Việt Nam và MISEREOR; Hà Nội, 28-29/3/2012 | Tác giả |  |
| 100 | *Xung đột xã hội từ quan điểm xã hội học*; | 2011 | sách “Những vấn đề xã hội học trong sự biến đổi xã hội”, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 2011; tr.473-505 | Tác giả |  |
| 101 | *Mức độ hài lòng của người dân nông thôn trong quá trình đô thị hoá* | 2011 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: 20 năm khoa Xã hội học – Thành tựu và thách thức, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 2011; tr.304-319 | Đồng tác giả |  |
| 102 | *Đô thị hoá, công nghiệp hoá nông thôn và vấn đề đặt ra đối với đội ngũ cán bộ cơ sở*; | 2011 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: 20 năm khoa Xã hội học – Thành tựu và thách thức, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 2011; tr.290-303 | Tác giả |  |
| 103 | *Một số luận điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về đô thị hoá* | 2011 | Tạp chí Triết học, số 11/2011; tr.31-38 | Tác giả |  |
| 104 | *Phụ nữ Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc trong bối cảnh đô thị hoá, công nghiệp hoá và tác động đến sự phát triển xã hội* | 2011 | Tạp chí Dân số và Phát triển, số 11/2011; tr.26-30 | Tác giả |  |
| 105 | *Đô thị hoá và xu hướng nhân khẩu học* | 2011 | Tạp chí Dân số và Phát triển, số 9/2011; tr.9-12 | Tác giả |  |
| 106 | *HanoiPopulation Structure Changes in the Process of Urbanization and Industrialization* | 2011 | Vietnam Social Sciences, No. 5(145) 2011; tr.71-85 | Tác giả |  |
| 107 | *Những quan điểm cơ bản của Đảng và Chính phủ về quy hoạch đô thị và đô thị hoá* | 2011 | Tạp chí Xã hội học ,số 3 (115)/2011; tr.28-35 | Tác giả |  |
| 108 | *Đô thị hoá và nhà ở của người nghèo đô thị*; | 2011 | Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Duy Tân, số 1/2011, tr.92-101 | Tác giả |  |
| 109 | *Đô thị hoá và tội phạm đô thị*; | 2011 | Tạp chí Khoa học xã hội, số 8/2011;tr.17-24 | Tác giả |  |
| 110 | *Đô thị hóa, bất bình đẳng và nghèo đô thị*; | 2011 | Tạp chí Nghiên cứu con người; số 3 (54) 2011;tr.39-48 | Tác giả |  |
| 111 | *Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia nhiều hơn vào các cơ quan dân cử* | 2011 | Tạp chí Lý luận Chính trị, số 4/2011; tr.19-24 | Tác giả |  |
| 112 | *Thị trường hôn nhân quốc tế trong bối cảnh ĐTH, CNH và tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội* | 2011 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “Đóng góp của KHXH&NV trong phát triển KT -XH, 2011 | Tác giả |  |
| 113 | *Biến đổi cơ cấu dân số Hà Nội trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*; | 2010 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: “Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội: Văn hiến, Anh hùng, Vì hòa bình”, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010; tr.916-928 | Tác giả |  |
| 114 | *Vấn đề lao động, việc làm của người nông dân trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa* | 2010 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học; Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 2010; tr. 457-472 | Tác giả |  |
| 115 | *Giá trị và phương pháp khai thác tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu gia đình ở Việt Nam*; | 2010 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học; Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2010 | Tác giả |  |
| 116 | *Chính sách đối với phụ nữ nông thôn thời kỳ công nghiệp hoá* | 2010 | Tạp chí Cộng sản, số 816/2010; tr.69-73 | Tác giả |  |
| 117 | *Phân tầng xã hội và hình thành tầng lớp trung lưu* | 2010 | Tạp chí Khoa học xã hội, số 4/2010; tr.33-42 | Tác giả |  |
| 118 | *Đặc điểm và xu hướng thị trường hôn nhân ở xã Đại Hợp, Kiến Thuỵ, Hải Phòng* | 2010 | Tạp chí Nghiên cứu con người, số 3/2010; tr.27-36 | Tác giả |  |
| 119 | *Đặc điểm đội ngũ nữ trí thức hiện nay* | 2010 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội 2010 | Tác giả |  |
| 120 | *Chất lượng nguồn nhân lực - Yếu tố quan trọng đối với sự phát triển Sơn La và vùng Tây Bắc* | 2010 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Hà Nội 2010 | Tác giả |  |
| 121 | *Nạn nhân chất da cam/dioxin ở Việt Nam và nỗi lo về thế hệ tương lai* | 2010 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Hà Nội 2010; tr.100-116 | Tác giả |  |
| 122 | *Nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam* | 2009 | Tạp chí Dân tộc học, số 4 (160) 2009; tr.44-54 | Tác giả |  |
| 123 | *Một vài yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ cán bộ nữ chủ chốt cấp xã hiện nay* | 2009 | Tạp chí Cộng sản, chuyên đề cơ sở, số 33/2009; tr.12-15 | Tác giả |  |
| 124 | *Bạo lực học đường - Một vấn đề xã hội*; | 2009 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam – Hoa Kỳ; Hà nội 2009 | Tác giả |  |
| 125 | *Bạo lực gia đình và những tổn thương về tâm lý, tinh thần* (qua nghiên cứu bạo lực gia đình tại 6 tỉnh, thành phố), | 2009 | Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Hội Y tế công cộng Việt Nam lần thứ 5; Tp. Hồ Chí Minh, 27-28/5/2009 | Tác giả |  |
| 126 | *Quan hệ giới trong cộng đồng vạn đò*; | 2009 | Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới; số 2, quyển 19, tháng 8/2009; tr.3-13 | Tác giả |  |
| 127 | *Vốn xã hội, mạng lưới xã hội và những phí tổn* | 2009 | Tạp chí Xã hội học, số 1 (105) 2009; tr.42-51 | Tác giả |  |
| 128 | *Một số vấn đề nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam* | 2009 | Tạp chí Khoa học xã hội, số 2 (122) 2009 | Tác giả |  |
| 129 | *Ly hôn: Quan điểm và vấn đề nghiên cứu* | 2009 | Tạp chí Tâm lý học, số 1, tháng 1/2009;tr.17-23 | Tác giả |  |
| 130 | *Thị trường hôn nhân - Một vài cách tiếp cận* | 2008 | Tạp chí Xã hội học, số 2/2008; tr.84-94 | Tác giả |  |
| 131 | *Về vốn xã hội và mạng lưới xã hội*; | 2008 | Tạp chí Dân tộc học, số 5/2008;tr.46-55 | Tác giả |  |
| 132 | *Domestic Violence against children and some preventive measure* | 2008 | Vietnam Journal of Family and Gender Studies. No.3 December, 2008; tr.65-77 | Tác giả |  |
| 133 | *Chính sách xã hội đối với phụ nữ nông thôn*; | 2008 | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia “Trao đổi giữa các nhà hoạch định chính sách và các cán bộ nghiên cứu& phát triển về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Đại học Nông lâm Huế; Huế 13-14/12/2008 | Tác giả |  |
| 134 | *Công nghiệp hoá và những biến đổi gia đình nông thôn Việt Nam* (Nghiên cứu trường hợp xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, Hải Dương) | 2008 | Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: Việt Nam hội nhập và phát triển; Nxb ĐHQG Hà Nội. 2008; tr.282-298 | Tác giả |  |
| 135 | *Hôn nhân Việt Nam – Hàn Quốc Những khía cạnh văn hoá, xã hội* | 2008 | Tạp chí Khoa học xã hội, số 09 (121) 2008 | Tác giả |  |
| 136 | *Các làn sóng nữ quyền và ảnh hưởng của nữ quyền đến địa vị của Phụ nữ Việt Nam* | 2008 | Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 4/2008; tr.81-89 | Tác giả |  |
| 137 | *Một số cách hiểu chưa đúng về giới và nữ quyền* | 2008 | Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 3/2008; tr.77-86 | Tác giả |  |
| 138 | *Vấn đề gia đình và phụ nữ trong “Việt Nam văn hoá sử cương*” | 2008 | Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 1/2008; tr.10-19 | Tác giả |  |
| 139 | *Một số vấn đề về giới trong Luật bảo hiểm Y tế*; | 2008 | Kỷ yếu Hội thảo “Bảo hiểm Y tế và một số vấn đề giới”; Uỷ ban các vấn đề xã hội của Quốc hội và PIPA -CIDA; Huế 10-11/1/2008 | Tác giả |  |
| 140 | *Phụ nữ nhiễm HIV/AIDS: Thực trạng, hậu quả và giải pháp phòng ngừa*; | 2007 | Kỷ yếu Hội thảo “Giới và phòng, chống HIV/AIDS”, Uỷ ban các vấn đề xã hội của Quốc hội và Danida, Hải Phòng 17-17/12/2007 | Tác giả |  |
| 141 | *Khía cạnh giới về sức khoẻ sinh sản và HIV/AIDS trong cộng đồng người Dao và Sán Dìu*; | 2007 | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Sức khoẻ công cộng, Bộ Y tế; Hà Nội 5-7/12/2007 | Tác giả |  |
| 142 | *Nhận thức về bạo lực gia đình và một số kiến nghị* | 2007 | Lao động và xã hội, số 313, 2007 | Tác giả |  |
| 143 | *Vài nét về đời sống tình dục trong sinh viên hiện nay* | 2007 | Kỷ yếu hội thảo quốc gia: Đời sống văn hoá sinh viên: Thực trạng và giải pháp, 2007 | Tác giả |  |
| 144 | *Đời sống và sức khoẻ sinh sản cư dân vạn đò* | 2007 | Nghiên cứu Gia đình và Giới, số 3/2007; tr.36-44 | Tác giả |  |
| 145 | *Vai trò của xã hội học trong đời sống xã hội* | 2007 | Xã hội học, số 2/2007;tr.89-96 | Tác giả |  |
| 146 | *Bạo lực gia đình: Nhận thức và thực trạng* | 2007 | Tạp chí Gia đình và Trẻ em, kỳ 1 tháng 3/2007 | Tác giả |  |
| 147 | *Hôn nhân có yếu tố nước ngoài - Thực trạng và giải pháp* | 2007 | Tạp chí Gia đình và Trẻ em, kỳ 1 tháng 1/2007 | Tác giả |  |
| 148 | *Bạo lực gia đình với trẻ em và một số giải pháp phòng ngừa* | 2007 | Tâm lý học, số 6/2007 | Tác giả |  |
| 149 | *Vài nét về đời sống văn hoá – tâm linh của cư dân vạn đò*; | 2007 | Dân tộc học, số 3/2007; tr.15-21 | Tác giả |  |
| 150 | *Cưỡng ép tình dục trong hôn nhân* | 2006 | Tạp chí Xã hội học, số 4/2006;tr.59-65 | Tác giả |  |
| 151 | *Chuẩn mực kép và quan hệ giới* | 2006 | Tâm lý học, số 11/2006; tr.52-59 | Tác giả |  |
| 152 | *Quan hệ giới trong cộng đồng vạn đò*; | 2006 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Nông thôn trong quá trình chuyển đổi” do Trường Đại học KHXH&NV và Đại học Toulose II tổ chức, Hànội 2006 | Tác giả |  |
| 153 | *Biến đổi chức năng gia đình và giáo dục trẻ em hiện nay* | 2006 | Tạp chí Gia đình và Trẻ em, kỳ 1 tháng 10/2006 | Tác giả |  |
| 154 | *Dư luận xã hội về hôn nhân có yếu tố nước ngoài*; | 2006 | Tập san Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, số 36/2006; tr.39-46 | Tác giả |  |
| 155 | *Nhận thức của người dân về Pháp lệnh Dân số* | 2006 | Tạp chí Dân số và Phát triển, số 8/2006 | Tác giả |  |
| 156 | *Chức năng giáo dục gia đình và vấn đề truyền thông dân số* | 2006 | Tạp chí Gia đình và Trẻ em, kỳ 1 tháng 8/2006 | Tác giả |  |
| 157 | *Gia đình với giáo dục sức khoẻ sinh sản vị thành niên* | 2006 | Tâm lý học, số 7/2006; tr.34-40 | Tác giả |  |
| 158 | *Bạo lực gia đình - Nguyên nhân và giải pháp can thiệp* | 2006 | Tạp chí Gia đình và Trẻ em, kỳ 1 tháng 6/2006 | Tác giả |  |
| 159 | *Một số vấn đề gia đình và giới trong tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước” của F. Engels* | 2006 | sách: Gia đình Việt Nam, quan hệ, quyền lực và xu hướng biến đổi; Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2006;tr.11-21 | Tác giả |  |
| 160 | *Về những gia đình có thế hệ thứ ba là nạn nhân chất độc da cam/dioxin* | 2006 | Dân tộc học, số 1/2006;tr.90-98 | Tác giả |  |
| 161 | *Mấy vấn đề lao động nữ trong tác phẩm Tư bản của Các Mác*; | 2005 | Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 6/2005; tr.8-14 | Tác giả |  |
| 161 | *Phấn đấu đảm bảo nhu cầu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn* | 2005 | Tạp chí Tư Tưởng – Văn hoá, số 9/2005. | Tác giả |  |
| 162 | *Công tác truyền thông về sức khoẻ sinh sản với cư dân Vạn đò* | 2005 | Tạp chí Tư tưởng – Văn hoá, số 2/2005 | Tác giả |  |
| 163 | *Từ sự khác biệt điểm thi môn xã hội học đại cương – nghĩ về đánh giá kết quả học tập của sinh viên* | 2005 | sách: Giáo dục đại học - Chất lượng và đánh giá, Kỷ yếu hội thảo, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2005 | Tác giả |  |
| 164 | *Bình đẳng giới và chính sách dân số ở Việt Nam*; | 2005 | Tạp chí Tư tưởng – Văn hoá, số 11/2005 | Tác giả |  |
| 165 | *Chọn giới tính thai nhi: Một vấn đề xã hội ở Việt Nam*; | 2005 | Thông tin Chuyên đề Dân số và phát triển; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – UNFPA, số 3/2003;tr.49-55 | Tác giả |  |
| 166 | *Một số vấn đề về sức khoẻ thanh thiếu niên Việt Nam*; | 2005 | Thông tin Chuyên đề Dân số và phát triển; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – UNFPA, số 1/2003;tr.81-86 | Tác giả |  |
| 167 | *Vai trò của chức năng giáo dục gia đình*: *Một số vấn đề đặt ra*; | 2003 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Giới - Truyền thông và Phát triển” Hà Nội 2003 | Tác giả |  |
| 168 | *Vai trò của phụ nữ nông thôn trong phát triển ngành nghề thời đại kinh tế trí thức*; | 2003 | Kỷ yếu Hội thảo: Phụ nữ Việt Nam với kinh tế trí thức (Hội LHPN Việt Nam - Bộ KH và CN) 2003 | Tác giả |  |
| 169 | *Pháp lệnh dân số với quyền và trách nhiệm về sức khoẻ sinh sản của công dân* | 2003 | Tạp chí Lý luận chính trị, số 7/2003;tr.66-71 | Tác giả |  |
| 170 | *Bạo lực giới trong gia đình: thực trạng và giải pháp ngăn chặn* | 2003 | Tạp chí Lý luận chính trị, số 3/2003;tr.65-69 | Tác giả |  |
| 171 | *Ngăn chặn và đẩy lùi bạo lực gia đình*; | 2003 | Tạp chí Lý luận chính trị, số 3/2003;tr.85-88 | Tác giả |  |
| 172 | *Mấy nhận xét về sự thích ứng xã hội của cử nhân xã hội học* | 2002 | Tạp chí Giáo dục, số 30/2002 | Tác giả |  |
| 173 | *Vấn đề giới trong xã hội học: Lý luận và thực tiễn* | 2001 | Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 4/2001 | Tác giả |  |
| 174 | *Môi trường lao động và sức khoẻ lao động nữ* | 2000 | Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 1/2000; tr.26-29 | Tác giả |  |
| 175 | *Vài nét về ấn phẩm Xã hội học được dịch và xuất bản ở miền Bắc (1998-2000);* | 2001 | Kỷ yếu Hội thảo: Thế kỷ 21 - Những vấn đề quan tâm: Xã hội học Việt Nam hiện nay và mạng lưới thông tin tư liệu trong tương lai, NXB Tp HCM, 2001 | Tác giả |  |
| 176 | *Vấn đề giới trong đào tạo xã hội học ở Việt Nam;* | 2001 | Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về Xã hội học, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội 2001 | Tác giả |  |
| 177 | *Vai trò của phụ nữ trong đào tạo nguồn nhân lực cho công nghiệp hoá* | 2000 | Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 11/2000;tr.55-59 | Tác giả |  |
| 178 | *Ô nhiễm môi trường và nhận thức, hành vi bảo vệ môi trường của người lao động* | 2000 | Tạp chí Bảo vệ Môi trường, số 6/2000 | Tác giả |  |
| 179 | *Quan điểm giới trong các văn bản pháp luật của nhà nước ta* | 2000 | Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 5/2000; tr.46-50 | Tác giả |  |
| 180 | *Phát huy tiềm năng của phụ nữ trong công nghiệp hoá và hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn* | 1999 | Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 8/1999; tr.16-19 | Tác giả |  |
| 181 | *Những trở ngại của phụ nữ nông thôn khi bước vào công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn* | 1999 | Tạp chí Nghiên cứu lý luận, số 3/1999;tr.23-27 | Tác giả |  |
| 182 | *Một số vấn đề giới trong đời sống của người Dao* | 1998 | Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Sự phát triển văn hoá xã hội của người Dao: Hiện tại và tương lai, 1998 | Đồng tác giả |  |
| 183 | *Quan điểm giới và chính sách dân số*; | 1998 | Tạp chí Thông tin lý luận, số 7/1998; tr.53-59 | Tác giả |  |
| 184 | *Lonely old Women in Vietnam* (Research finding in Ha Tay province) | 1998 | Vietnam Social Sciences, No.5/1998; tr.66-78 | Tác giả |  |
| 185 | *Agricultural–Rural industrialization and Women’s role*; | 1998 | Vietnam Social Sciences, No.5/1998; tr.3-30 | Tác giả |  |
| 186 | *Dân số và các yếu tố tác động đến người phụ nữ* | 1997 | Tạp chí Khoa học về phụ nữ, số 4/1997; tr.39-42 | Tác giả |  |
| 187 | *Văn hoá phẩm thời kinh tế thị trường và vấn đề nữ sinh viên* | 1997 | Trong sách “Ngăn chặn ảnh hưởng của văn hoá phẩm đồi truỵ đối với thanh thiếu niên”, NXB Thanh niên, 1997 | Tác giả |  |
| 188 | *Teen-age sexuality in Vietnam* | 1996 | Vietnam Social Sciences, No. 6/1996 | Đồng tác giả |  |
| 189 | *Some health and social problems of teenage girls* | 1996 | Vietnam Social Sciences, No. 6/1996 | Đồng tác giả |  |
| 190 | *Sai lệch trong quan hệ tình cảm khác giới trong sinh viên: Biểu hiện, nguyên nhân và kiến nghị*; | 1992 | Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp Nhà nước “Đổi mới các chính sách xã hội nhằm khắc phục tệ nạn xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường” (đề tài KX.04.14); 1992; tr.42-46 | Tác giả |  |
| 191 | *Cơ cấu dân số sinh viên và chính sách giáo dục đào tạo đối với nông thôn*; | 1992 | Tạp chí Cộng sản, số 11/1992;tr.49-52 | Tác giả |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của**  **cơ quan chủ quản** | *Hà nội., ngày 27 tháng 12 năm 2022*  **Người khai kí tên**  *(Ghi rõ chức danh, học vị)* |

**GS.TS. Hoàng Bá Thịnh**